

Ban án số: **41/2021/HNGĐ – ST**

Ngày 30-6-2021

V/v “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Đ Thọ

2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Mai Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 07/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2021/QĐST-DS ngày 11/6/2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Điều S, sinh năm 1995 (Vắng mặt có lý do)

Địa chỉ: ấp Bù Núi B, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

*** Bị đơn:** Bà Thị Pơ R, sinh năm 1997 (Vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: ấp Bù Núi A, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 12 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Điều S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Điều S và bà Thị Pơ R tự nguyện chung sống từ năm 2016, có đăng ký kết tại UBND xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01/2019 thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà Thị Pơ R thường xuyên ăn nhậu, đập phá đồ đạc, đập đánh ông Điều S. Vợ

chồng sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Nay nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên ông Điều S yêu cầu được ly hôn với bà Thị Pơ R.

Về con chung: Ông Điều S và bà Thị Pơ R có 02 người con chung là: Điều Đ, sinh ngày 02/3/2015 và Thị N, sinh ngày 07/3/2017. Hiện con đang sống chung với bà Thị Pơ R. Khi ly hôn ông Điều S yêu cầu nuôi con tên là Điều Đ, sinh ngày 02/3/2015, và đồng ý giao con tên Thị N, sinh ngày 07/3/2017 cho bà Thị Pơ R nuôi dưỡng, chăm sóc. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

**Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/3/2021 bị đơn bà Thị Pơ R trình bày:*

Bà Thị Pơ R và ông Điều S tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2014 nhưng đến năm 2016 mới đăng ký kết tại UBND xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do ông Điều S không đưa tiền cho bà Thị Pơ R nuôi con, bà R nói ông S đừng đi làm nữa nhưng ông S đánh bà Pơ R, sau đó ông S bỏ đi khoảng hơn 1 năm nay. Vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay ông Điều S yêu cầu ly hôn thì bà Thị Pơ R không đồng ý vì khi ly hôn không có ai nuôi con và bà Pơ R vẫn thương ông S.

Về con chung: Ông Điều S và bà Thị Pơ R có 02 người con chung là: Điều Đ, sinh ngày 02/3/2015 và Thị N, sinh ngày 07/3/2017. Hiện hai con đang sống chung với bà Thị Pơ R. Nếu phải ly hôn thì bà Thị Pơ R yêu cầu nuôi hai con, yêu ông Điều S cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/tháng (5.000.000 đồng/con/tháng).

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Điều S

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Điều S ly hôn với bà Thị Pơ R

+ Về con chung: Giao con tên là Điều Đ, sinh ngày 02/3/2015 cho ông Điều S nuôi dưỡng, chăm sóc; giao con tên Thị N, sinh ngày 07/3/2017 cho bà Thị Pơ R nuôi dưỡng, chăm sóc. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Điều S có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh để yêu cầu giải quyết ly hôn với bà Thị Pơ R. Quá trình làm việc xác định bà Thị Pơ R đang cư trú tại ấp Bù Núi A, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn văn bản yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mà không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Điều S, sinh năm 1995 và bà Thị Pơ R, sinh năm 1997 tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Vì vậy, hôn nhân của ông Điều S và bà Thị Pơ R là hợp pháp. Theo lời trình bày của ông Điều S thì giữa ông Điều S và bà Thị Pơ R phát sinh mâu thuẫn từ tháng 01 năm 2019. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay. Nay ông Điều S xác định không còn tình cảm với bà Thị Pơ R và yêu cầu được ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Thị Pơ R cho rằng vào năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông Điều S không đưa tiền cho bà Thị Pơ R nuôi con, ông Điều S có đánh bà Thị Pơ R và bỏ đi. Vợ chồng đã ly thân 01 năm. Bà Thị Pơ R không đồng ý vì khi ly hôn không có ai nuôi con và bà R vẫn thương ông S. Tuy nhiên, khi Tòa án đã triệu tập bà Thị Pơ R đến để làm việc và tham gia hòa giải thì bà Thị Pơ R không đến để đưa ra ý kiến và biện pháp hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy, có căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa ông Điều S và bà Thị Pơ R đã trầm trọng,

không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Điều S.

[2.2] Về con chung: Ông Điều S và bà Thị Pơ R có 02 người con chung là: Điều Đ, sinh ngày 02/3/2015 và Thị N, sinh ngày 07/3/2017. Hiện con đang sống chung với bà Thị Pơ R. Khi ly hôn ông Điều S yêu cầu nuôi con tên là Điều Đ, sinh ngày 02/3/2015, và đồng ý giao con tên Thị N, sinh ngày 07/3/2017 cho bà Thị Pơ R nuôi dưỡng, chăm sóc. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con. Bà Thị Pơ R xin nuôi hai con, yêu ông Điều S cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/tháng (5.000.000 đồng/con/tháng).

Xét thấy ông Điều S và bà Thị Pơ R đều có nguyện vọng được nuôi con và có đủ điều kiện để nuôi con. Cháu Điều Đ và Thị N đều trên 36 tháng tuổi. Vì vậy cần giao cho ông Điều S nuôi con tên Điều Đ, bà Thị Pơ R nuôi con tên Thị N là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông Điều S và bà Thị Pơ R mỗi người nuôi 01 con chung nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Điều S và bà Thị Pơ R khẳng định tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Ông Điều S và bà Thị Pơ R khẳng định không có nợ chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, ông Điều S phải chịu số tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84, 85, 86 và 87 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Điều S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Điều S ly hôn với bà Thị Pơ R.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Điều Đ, sinh ngày 02/3/2015 cho ông Điều S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Giao con chung tên là Thị N, sinh ngày 07/3/2017 cho bà Thị Pơ R trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên theo luật định.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thị Pơ R nuôi 01 con chung và ông Điều S nuôi 01 con chung nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung: Ông Điều S và bà Thị Pơ R khẳng định tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Ông Điều S và bà Thị Pơ R khẳng định không có và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Ông Điều S phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001490 ngày 08/01/2021.

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã Lộc Tấn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Quyết